

Gò Công Tây, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Số: 63/2023/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Phạm Trần Hoàng N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số 201, Ngô Tùng Châu, khu phố 3, phường 1, thị xã G, tỉnh Tiền

Giang.

2/ Bị đơn:

+ Lê Văn H1, sinh năm 1965.

+ Phan Thị Thu H2, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Lê Văn H, sinh năm 1976.

+ Lê Thị Ánh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Hoàng Ngọc T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện G, Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn H1, bà Phan Thị Thu H2 và ông Lê Văn H ngày 29/4/2021 có công chứng số 004108 quyền số 04/2021TP/CC- SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng P.

Công nhận một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn H, bà Lê Thị Ánh T và anh Phạm Trần Hoàng N ngày 24/9/2022 có công chứng

số 013464 quyền số 21/2022TP/CC- SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng P (đối với phần đất có diện tích 700m²).

Hủy một phần Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn H, bà Lê Thị Ánh T và anh Phạm Trần Hoàng N ngày 24/9/2022 có công chứng số 013464 quyền số 21/2022TP/CC- SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng P (đối với phần đất có diện tích 196,9m²).

Anh Trần Hoàng N được quyền sở hữu và quyền sử dụng phần đất có diện tích 700m², thửa đất số 758, tờ bản đồ số 14, loại đất thổ 100m² và đất trồng cây lâu năm 600m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS13105 ngày 20/10/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Phạm Trần Hoàng N, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đường H.
- + Tây giáp đất Lê Đông T.
- + Nam giáp đất Lê Thị B, đất Nguyễn Văn P.
- + Bắc giáp đất Lê Văn H1, Phan Thị Thu H2.

Ông Lê Văn H1 và bà Phan Thị Thu H2 được tiếp tục quyền sở hữu và quyền sử dụng phần đất có diện tích 196,9m², thửa đất số 758, tờ bản đồ số 14, loại đất thổ 100m² + loại đất cây lâu năm 96,9m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS13105 ngày 20/10/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Phạm Trần Hoàng N, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đường H.
- + Tây giáp đất Lê Đông T.
- + Nam giáp phần đất Phạm Trần Hoàng N.
- + Bắc giáp đất Nguyễn Hoàng V, Lê Đông T.

(Tất cả đều có sơ đồ vị trí kèm theo)

Ông Lê Văn H1 và bà Phan Thị Thu H2 có nghĩa vụ tháo dỡ và di dời các tài sản như sau ra khỏi thửa đất 758 để giao đất cho anh Phạm Trần Hoàng N:

+ Một phần nhà trước có diện tích 50,1m², loại nhà trệt có kết cấu móng cột bằng bê tông đúc sẵn, kèo bằng gỗ quy cách, vách bằng tôn xi măng, mái lợp tôn xi măng, nền đất + xi măng, không khu phụ.

+ Một phần nhà sau có diện tích 67,3m², loại nhà trệt có kết cấu móng cột bằng bê tông cốt thép, kèo thép hộp + bê tông cốt thép, vách xây gạch, trát hai mặt không sơn, mái lợp tôn xi măng, nền xi măng, nhà có khu phụ.

+ Chuồng trại 3,2m x 4,4m có kết cấu móng cột bằng bê tông đúc sẵn, nền đất, mái lợp tôn tráng kẽm, vách bằng lưới B40.

+ Chuồng trại 5,4m x 5,5m có kết cấu móng cột bằng bê tông đúc sẵn, nền xi măng, vách tường lửng, mái tôn xi măng.

Các tài sản khác trên đất các bên tự thỏa thuận giải quyết.

Thời gian thực hiện việc tháo dỡ, di dời và giao đất cho anh Phạm Trần Hoàng N ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Anh N có quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo qui định của Luật Đất đai và được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại hiện

trạng sử dụng theo sơ đồ đo vẽ kèm theo quyết định này.

Ông H1 và bà H2 có quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo qui định của Luật Đất đai và được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định pháp luật theo sơ đồ đo vẽ kèm theo quyết định này.

2.2 Chị Nguyễn Hoàng Ngọc T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu liên quan đến việc khởi kiện ông Lê Văn H1 và bà Phan Thị Thu H2 nên đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu của chị T.

2.3 Về án phí: Anh Phạm Trần Hoàng N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0026795 ngày 31/01/2023 nên hoàn lại anh N số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Hoàng Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017088 ngày 04/01/2021 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0026673 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Ông Lê Văn H1 và bà Phan Thị Thu H2 có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017197 ngày 03/3/2021 nên hoàn lại cho ông H1 và bà H2 số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện GCT;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Kiều Oanh

